TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LỮ** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 71/2020/QĐST-HNGĐ.	Tiên Lữ, ngày 17 tháng 7 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 74/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn V - Sinh năm 1981.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị H - Sinh năm 1987.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu: Đỗ Thị Cẩm N - Sinh ngày 16/8/2007.
- Cháu: Đỗ Thị Thanh C - Sinh ngày 19/9/2009.

Đều HKTT: Thôn P - xã L - huyện T - tỉnh Hưng Yên.

4. Những người đại diện theo pháp luật cho cháu N và C: Anh Đỗ Văn V và chị Trần Thị H.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Đỗ Văn V và chị Trần Thị H.

II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn V và chị Trần Thị H đều nhất trí thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Anh V và chị H đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Cẩm N, sinh ngày 16/8/2007 và cháu Đỗ Thị Thanh C, sinh ngày 19/9/2009. Hiện nay cả hai cháu đều đang ở cùng với anh V. Chị H và anh V thỏa thuận, giao anh V được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, thành niên. Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V là 1.000.000 đồng/tháng/cháu, tổng là 2.000.000 đồng/tháng/02 cháu. Thời hạn, kể từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, thành niên. Chị H được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất đã được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung; Công sức; Công nợ; Ruộng canh tác: Anh V và chị H tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị H nhất trí để anh V tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí dân sự được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh V đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số: 0000612 ngày 15/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh V đã nộp đủ án phí.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Lũng